

Bản án số: 467/2022/DS-PT

Ngày: 21-11-2022

*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lan Anh

*Các thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Thúy

Ông Mai Tiến Dũng

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thu Hương, Thẩm tra viên

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 358/2022/TLPT-DS ngày 06/10/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 122/2022/DS-ST ngày 19/7/2022 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 411/2022/QĐ-PT ngày 17/10/2022, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông **TXK1**, sinh năm 1946;

Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: 25B lô 9 khu ĐTM ĐC2, phường ĐC2, quận HM3, Thành phố Hà Nội.

*Pháp nhân đại diện theo ủy quyền:* Công ty Luật TNHH MTV SLC. *Người đại diện theo pháp luật:* Luật sư PHS4 – Giám đốc. Trụ sở: BT16A3-12 LVKCA5, Khu đô thị mới ML6, phường ML7, quận HĐ8, thành phố Hà Nội (Theo Giấy ủy quyền ngày 01/3/2021).

*Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:* Luật sư TVV9 và bà BTH10 (Theo Quyết định ngày 17/6/2022). *Luật sư Việt vắng mặt, bà Hằng có mặt.*

**Bị đơn:** CTBD11.

Trụ sở: Số 82 (địa chỉ cũ 38) phố CL12, phường LT13, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên lạc: Tầng 17 Tòa nhà MobiFone, số 5, ngõ 82 DT15, phường DVH16, quận CG17, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông PPB18- Tổng giám đốc

*Người đại diện theo ủy quyền:* *Đều xin vắng mặt.*

1. Ông **TQC19**, địa chỉ: Số 165, ngõ 173, đường HHT20, phường NH21, quận BD22, thành phố Hà Nội.

2. Ông **BHT23**, địa chỉ: Số 14, hẻm 267/2/16 đường HHT20, phường LG24, quận BD22, thành phố Hà Nội.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 03/3/2022).

*Do có kháng cáo của CTBD11 là bị đơn trong vụ án.*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:**

***\* Theo đơn khởi kiện ngày 04.10.2021 của ông TXK1 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án do bà BTH10 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Ông TXK1 nguyên là Kỹ sư chính – Trưởng phòng Khoa học Kỹ thuật của CTBD11. Năm 2008 khi Công ty gặp khó khăn cần huy động vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh, ông đã cho Công ty vay vốn bằng khoản tiền lương mà Công ty nợ.

Ngày 26.3.2008, giữa ông TXK1 và CTBD11 ký Hợp đồng vay vốn số 198/2008/PTICC-HĐVV, số tiền vay 69.193.886 đồng, mục đích vay là phục vụ sản xuất kinh doanh theo phương án huy động vốn năm 2008, biện pháp bảo đảm là tín chấp, thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày 27.3.2008. Lãi suất áp dụng cho khoản vay từ 27.3.2008 đến 26.3.2009 là 8,5%/năm. Lãi suất áp dụng cho khoản vay từ 27.3.2009 sẽ áp dụng theo lãi suất trái phiếu Chính Phủ (do Ngân hàng Phát triển Nhà nước Việt Nam phát hành loại thời hạn 5 năm) kỳ gần nhất liên trước ngày 27.3.2009. Việc thay đổi lãi suất sẽ được Công ty thông báo bằng văn bản qua đường thư, fax hoặc gửi trực tiếp đến Bên Cho vay. Trường hợp Công ty không có thông báo thì lãi suất áp dụng trong thời kỳ trả nợ tiếp theo được coi là không điều chỉnh và bằng lãi suất của kỳ hạn liên trước.

Tiền gốc, lãi được thanh toán làm 02 đợt:

- Đợt 1: Ngày 27.3.2009 thanh toán 50% nợ gốc + lãi
- Đợt 2: Ngày 27.3.2010 thanh toán hết nợ gốc + lãi

Năm 2012, hai bên ký Phụ lục 01- Hợp đồng vay vốn Cán bộ công nhân viên để xác nhận lại số tiền vay giảm xuống vì giảm doanh thu quyết toán công ty trong giai đoạn 2008-2010 do các cơ quan thanh tra kiểm tra xác định lại quỹ tiền lương, số tiền lương công ty phải trả cho người lao động từ 2004-2007 và trừ thuế thu nhập cá nhân, các quỹ người lao động phải nộp năm 2008. Phụ lục xác định số tiền gốc vay là 46.728.780 đồng, lãi phải trả đến 31.12.2011, dự kiến trả hết nợ gốc và lãi vào 31.12.2014.

Công ty đã trả ông TXK1 26.138.967 đồng nợ gốc, cụ thể

- Ngày 10.10.2012: Công ty trả 3.000.000 đồng.
- Ngày 24.10.2012: Công ty trả 6.346.000 đồng.

- Ngày 31.12.2014: Công ty trả 3.738.000 đồng.
- Ngày 06.5.2015: Công ty trả 3.365.000 đồng.
- Ngày 02.10.2015: Công ty trả 4.541.967 đồng.
- Ngày 30.12.2015: Công ty trả 5.148.000 đồng.

Công ty còn nợ gốc là 20.589.813 đồng.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng vay vốn và Phụ lục 01, Công ty không thanh toán đúng thỏa thuận qua việc chỉ trả một phần gốc và trả không đúng hạn, không trả lãi vay.

Ngày 16.9.2019, Công ty gửi công văn (không số) yêu cầu ông TXK1 mang Hợp đồng vay vốn và Phụ lục 01 của Hợp đồng đến đối chiếu, ký xác nhận vào bảng số liệu nợ gốc tính đến ngày 30.8.2019 do Công ty lập. Công ty cam kết thanh toán cho các hợp đồng hoàn hiện thanh lý trước ngày 15.11.2019. Tuy nhiên, sau đó Công ty không thực hiện thanh toán.

Nay ông TXK1 khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc CTBD11 phải thanh toán cho ông TXK1 nợ gốc là 20.589.813 đồng, nợ lãi từ 27.3.2008 đến 31.12.2011 (đã được xác nhận tại Phụ lục 01 năm 2012) là 15.159.598 đồng, nợ lãi từ 01.01.2012 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 8,5%/năm là 24.219.530 đồng. Tổng cộng là 59.968.941 đồng.

Ngoài ra nguyên đơn không còn yêu cầu gì khác.

**\* Bị đơn là CTBD11 do ông TQC19, ông BHT23 đại diện theo ủy quyền đã gửi các văn bản nêu ý kiến như sau:**

- Tại đơn đề ngày 04.4.2022, ông TQC19 và ông BHT23 trình bày: CTBD11 tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc VNPT. Năm 2016 sau cổ phần hóa, CTBD11 được chuyển giao từ doanh nghiệp Nhà nước thành doanh nghiệp tư nhân. Theo hồ sơ còn lưu lại tại Công ty, năm 2008 CTBD11 thời điểm đó là doanh nghiệp nhà nước trực thuộc VNPT đã ký Hợp đồng vay vốn với một số cán bộ, nhân viên trong Công ty, hợp đồng vay có thời hạn 02 năm từ tháng 10.2008 đến tháng 10.2010. Năm 2016 sau khi chuyển quyền sở hữu từ doanh nghiệp Nhà nước sang doanh nghiệp tư nhân. Ban lãnh đạo Công ty nhận thấy có nhiều dấu hiệu bất thường tại các hợp đồng vay vốn nói trên như:

- Không có phiếu nộp tiền về Quỹ của Công ty;
- Dòng tiền vay của cán bộ, nhân viên không biết đi đâu, sử dụng vào mục đích gì.
- Nhiều hợp đồng ký trong giai đoạn này được ký kết nhưng không được thực hiện.
- Nhiều hợp đồng ký kết khi chưa có chủ trương đầu tư nhưng đều được kê khai doanh số.

Vì các lý do nêu trên, Công ty đã tạm dừng chi trả các khoản lãi, vốn để điều tra xác minh. Trong quá trình điều tra, xác minh CTBD11 nghi ngờ các Hợp đồng vay vốn giữa Công ty và ông/bà nêu trên là Hợp đồng giả tạo, Ban lãnh đạo cũ của Công

ty trong giai đoạn từ năm 2008 đến 2015 có dấu hiệu cấu kết với một số cá nhân trong Công ty để tạo dựng chứng từ giả với mục đích chiếm đoạt tài sản Nhà nước và các mục đích khác như: Khấu trừ thuế thu nhập doanh nghiệp; hợp thức hóa các khoản tiền tồn quỹ công ty từ các Hợp đồng kinh tế không có thật; tăng nguồn vốn của Công ty để lấy thành tích và trục lợi. Công ty đã nhiều lần mời các cá nhân liên quan đến Hợp đồng vay vốn đến làm việc và yêu cầu xuất trình các giấy tờ liên quan như phiếu thu, giấy nộp tiền về quỹ của công ty để chứng minh đây là khoản nợ có thật nhưng các cá nhân này đều trốn tránh, không đến làm việc và không cung cấp được giấy tờ nêu trên.

Công ty đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của nguyên đơn, xác minh khoản vay theo hợp đồng vay vốn, xác minh có dấu hiệu tham nhũng, chiếm đoạt tài sản của Nhà nước tại Công ty giai đoạn từ năm 2004 đến năm 2015.

- Tại đơn đề ngày 05.4.2022, ông TQC19 và ông BHT23 đề nghị vắng mặt tại buổi làm việc ngày 07.4.2022 do bị nhiễm Covid.

- Tại đơn đề ngày 20.4.2022 ông TQC19 và ông BHT23 đề nghị đưa ông Hoàng Ứng Huyền nguyên Giám đốc Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Bru điện đã ký Hợp đồng vay vốn tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng ông TQC19 và ông BHT23 đều vắng mặt, không nộp tài liệu chứng cứ.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số 122/2022/DS-ST ngày 19/7/2022 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Hà Nội đã quyết định:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông TXK1 đối với CTBD11 (PTICO).

2. Buộc CTBD11 (PTICO) phải

thanh toán cho ông TXK1 nợ gốc là 20.589.813 đồng, nợ lãi từ ngày 27.3.2008 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 8,5% là 39.379.128 đồng. Tổng cộng là 59.968.941 đồng (Năm mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi tám nghìn, chín trăm bốn mươi một đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, CTBD11 là bị đơn trong vụ án kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm đình chỉ giải quyết vụ án hoặc bác yêu cầu của nguyên đơn.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị: Tuyên hủy các hợp đồng vay vốn vì đây là hợp đồng vô hiệu do giả tạo, trường hợp các cá nhân này đòi nợ lương sản phẩm như đã khai tại phiên tòa thì yêu cầu cung cấp chứng cứ chứng minh CTBD11 nợ lương sản phẩm đối với họ; Tuyên hủy bản án sơ thẩm hoặc bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các đương sự không xuất trình chứng cứ mới và không thỏa thuận được cách giải quyết vụ án.

*Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ kiện, đại diện VKS nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 122/2022/DS-ST ngày 19/7/2022 của Tòa án nhân dân quận ĐĐ14, thành phố Hà Nội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:** Bị đơn CTBD11 nộp đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm trong thời hạn luật định nên về mặt hình thức là hợp lệ.

Tại phiên tòa, có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

**[2] Về nội dung:** Xét nội dung kháng cáo của CTBD11 cho rằng Hợp đồng vay vốn giữa Công ty và ông TXK1 là hợp đồng không, không có tiền chuyển của ông Khải vào quỹ của công ty; công ty là công ty của nhà nước không có quyền ký hợp đồng vay vốn và trả lãi. và trả lãi công ty và các các nguyên đơn có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Nguyên đơn không có chứng cứ nào chứng minh Công ty nợ lương sản phẩm đối với bất kỳ cá nhân nào.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

*2.1 Giao dịch dân sự được các bên xác lập, cụ thể như sau:*

Ngày 26.3.2008 ông TXK1 và CTBD11 (sau đây gọi tắt là Công ty) ký Hợp đồng vay vốn số 198/2008/PTICC-HĐVV ngày 26.3.2008 số tiền vay 69.193.886 đồng, mục đích vay là phục vụ sản xuất kinh doanh theo phương án huy động vốn năm 2008, biện pháp bảo đảm là tín chấp, thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày 27.3.2008. Lãi suất áp dụng cho khoản vay từ 27.3.2008 đến 26.3.2009 là 8,5%. Lãi suất áp dụng cho khoản vay từ 27.3.2009 sẽ áp dụng theo lãi suất trái phiếu Chính Phủ (do Ngân hàng Phát triển Nhà nước Việt Nam phát hành loại thời hạn 5 năm) kỳ gần nhất liền trước ngày 27.3.2009. Việc thay đổi lãi suất sẽ được Công ty thông báo bằng văn bản qua đường thư, fax hoặc gửi trực tiếp đến Bên Cho vay. Trường hợp Công ty không có thông báo thì lãi suất áp dụng trong thời kỳ trả nợ tiếp theo được coi là không điều chỉnh và bằng lãi suất của kỳ hạn liền trước.

Cả hợp đồng và phụ lục hợp đồng mà ông Khải xuất trình đều có chữ ký đóng dấu của ông Hoàng Ứng Huyền lúc đó là giám đốc công ty căn cứ vào Luật

doanh nghiệp; Quyết định của Hội đồng quản trị công ty số 448/QĐ- PTICC-HĐQT ngày 21/3/2008 về việc vay vốn cá nhân phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh thì việc vay vốn giữa công ty và ông Khải là hoàn toàn phù hợp với pháp luật.

Sau khi các bên ký kết thỏa thuận các bên đã giao nhận tiền và thực hiện một số thỏa thuận cụ thể:

Tiền gốc, lãi được thanh toán làm 02 đợt:

- Đợt 1: Ngày 27.3.2009 thanh toán 50% nợ gốc + lãi
- Đợt 2: Ngày 27.3.2010 thanh toán hết nợ gốc + lãi

Năm 2012, hai bên ký Phụ lục 01 – Hợp đồng vay vốn cán bộ công nhân viên năm 2012 xác định số tiền ông TXK1 đã cho Công ty vay là 46.728.780 đồng, xác định lãi phải trả đến 31.12.2011, Công ty dự kiến trả hết nợ gốc và lãi vào 31.12.2014.

Tại công văn (không số)/CV-PTICO ngày 16.9.2019 Công ty xác nhận đã trả cho nguyên đơn 26.138.967 đồng nợ gốc, cụ thể

- Ngày 10.10.2012: Công ty trả 3.000.000 đồng.
- Ngày 24.10.2012: Công ty trả 6.346.000 đồng.
- Ngày 31.12.2014: Công ty trả 3.738.000 đồng.
- Ngày 06.5.2015: Công ty trả 3.365.000 đồng.
- Ngày 02.10.2015: Công ty trả 4.541.967 đồng.
- Ngày 30.12.2015: Công ty trả 5.148.000 đồng.

Công ty còn nợ gốc là 20.589.813 đồng.

Quá trình vay vốn, Công ty chưa thanh toán lãi cho ông TXK1.

Ông TXK1 xác nhận Công ty đã thanh toán 26.138.967 đồng nợ gốc, còn 20.589.813 đồng nợ gốc chưa thanh toán theo như công văn (không số)/CV-PTICO ngày 16.9.2019 của Công ty là đúng.

Như vậy, đại diện Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Bưu điện cho rằng Hợp đồng vay vốn giữa công ty và ông TXK1 là hợp đồng khống, không có tiền chuyển của ông Khải vào quỹ của công ty; công ty là công ty của nhà nước không có quyền ký hợp đồng vay vốn và trả lãi công ty và các các nguyên đơn có dấu hiệu vi phạm pháp luật là không có cơ sở.

*2.2. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty phải thanh toán nợ gốc là 20.589.813 đồng:*

Theo nội dung đơn đề nghị ngày 04.4.2022 phía Công ty cho rằng Hợp đồng vay vốn là giả tạo, Tòa án yêu cầu giao nộp tài liệu để chứng minh nhưng Công ty không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ để xem xét. Hơn nữa, quan điểm nêu trên của Công ty không phù hợp với chính nội dung tại công văn (không số) ngày 16.9.2019 Công ty gửi ông TXK1. Theo đó Công ty xác nhận số nợ gốc đã thanh toán và số nợ gốc chưa thanh toán cho ông TXK1 tại Bảng số liệu gốc vay theo hợp đồng vay vốn tính đến ngày 30.8.2019. Công ty đề nghị đưa

ông Hoàng Ứng Huyền - nguyên giám đốc Công ty là người ký hợp đồng vay vốn với nguyên đơn tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Xét hợp đồng vay vốn và Phụ lục 01, ông Hoàng Ứng Huyền ký hợp đồng vay vốn với ông TXK1 với tư cách là người đại diện của Công ty, không phải với tư cách cá nhân do đó không cần thiết đưa ông Hoàng Ứng Huyền tham gia tố tụng.

Xét thấy Hợp đồng vay vốn và Phụ lục 01 được ký kết giữa Công ty với ông TXK1 là hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên xác định là hợp pháp và có hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia. Do Công ty vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ khoản 2 Điều 155, Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015, chấp nhận yêu cầu đòi nợ gốc của ông TXK1, buộc Công ty thanh toán 20.589.813 đồng nợ gốc cho ông TXK1.

2.3. *Đối với yêu cầu tính lãi của số tiền cho vay:* Như đã phân tích ở trên Công ty phải có trách nhiệm trả lãi theo Hợp đồng vay vốn và Phụ lục 01 đã ký. Lãi vay từ 27.3.2008 đến 31.12.2011 đã được các bên thống nhất tại Phụ lục 01 là 15.159.598 đồng. Lãi vay từ ngày 01.01.2012 đến ngày xét xử tính theo mức lãi suất 8,5%/năm đối với số tiền nợ gốc chưa trả là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận. Buộc Công ty thanh toán nợ lãi cho ông TXK1 là 24.219.530 đồng, cụ thể:

- Từ ngày 01.01.2012 đến ngày 09.10.2012 là: 46.728.780 đồng x  $0,0002329\%/ngày \times 283 ngày = 3.079.619$  đồng.
- Từ ngày 10.10.2012 đến ngày 23.10.2012 là: 43.728.780 đồng x  $0,0002329\%/ngày \times 14 ngày = 142.568$  đồng.
- Từ ngày 24.10.2012 đến ngày 30.12.2014 là: 37.382.780 đồng x  $0,0002329\%/ngày \times 798 ngày = 6.947.052$  đồng.
- Từ ngày 31.12.2014 đến ngày 05.5.2015 là: 33.644.780 đồng x  $0,0002329\%/ngày \times 126 ngày = 979.386$  đồng.
- Từ ngày 06.5.2015 đến ngày 01.10.2015 là: 30.279.780 đồng x  $0,0002329\%/ngày \times 148 ngày = 1.050.667$  đồng.
- Từ ngày 02.10.2015 đến ngày 29.12.2015 là: 25.737.813 đồng x  $0,0002329\%/ngày \times 89 ngày = 533.443$  đồng.
- Từ ngày 30.12.2015 đến ngày 19.7.2022 là: 20.589.813 đồng x  $0,0002329\%/ngày \times 2394 ngày = 11.478.962$  đồng.

Tổng số tiền lãi Công ty phải thanh toán cho ông TXK1 tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 19.7.2022 là 39.379.128 đồng.

Với những căn cứ trên, việc cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông TXK1 là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của CTBD11, cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận ĐĐ14, thành phố Hà Nội.

**[3] Về án phí:** CTBD11 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán trả nguyên đơn và án phí dân phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Quan điểm vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, Điều 38, Điều 147, Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 155, Điều 157, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH ngày 31.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

**1.** Không chấp nhận kháng cáo của CTBD11.

**2.** Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 122/2022/DS-ST ngày 19/7/2022 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông TXK1 đối với CTBD11.

2.2. Buộc CTBD11 phải thanh toán cho ông TXK1 nợ gốc là 20.589.813 đồng, nợ lãi từ ngày 27.3.2008 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 8,5% là 39.379.128 đồng. Tổng cộng là 59.968.941 đồng (Năm mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi tám nghìn, chín trăm bốn mươi một đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu người bị thi hành án chưa thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì người bị thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án xong.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3.** Về án phí dân sự:

- CTBD11 phải chịu 2.998.447 đồng (Hai triệu, chín trăm bốn mươi tám nghìn, bốn trăm bốn mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- CTBD11 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0070559 ngày 05/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.



**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND quận ĐĐ14;
- Chi cục THADS quận ĐĐ14;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Lan Anh**

